TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/KDTM-PT
Ngày: 24/3/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Ông Lê Thọ Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Bảo Trân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 và 24/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 282/2024/KDTM-PT ngày 30/12/2024 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 4728/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2025/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1820/2025/QĐ-HPT ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P; địa chỉ: Tầng 1, Tầng 10 và Tầng 11, Tòa nhà Hanoi Tungshing Square; số 2 đường Ngô Quyền, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Tuấn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố 1, X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: 7^{B} đường số 4, khu phố 1,

phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024); (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q; địa chỉ: 20/3 đường Tam Bình, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàn Gia P, sinh năm 1975; và ông Nguyễn Đắc T sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Tầng trệt, Tòa nhà TP Home, số 9 đường Võ Thị Sáu, phường D, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024); (vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956; địa chỉ: 182/5 (số cũ: 183/1) đường Hiệp Bình, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn P sinh năm 1971; địa chỉ: 772/39 đường Đoàn Văn B, Phường M1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2023); (có mặt)

3. Ông Nguyễn Đại D, sinh năm 1976; địa chỉ: 11.02B Cao ốc Bảo Gia, số 184 đường Lê Đại H, Phường M, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc T kháng cáo toán bộ bản án sơ thẩm số 4728/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị số 7557/QĐ-VKS-KDTM ngày 25/10/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2023, đơn sửa chữa bổ sung đơn khởi kiện ngày 09/7/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P do ông Đặng Tuấn H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

1.1 Đối với bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P (sau đây viết tắt là Ngân hàng P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q (sau đây viết tắt là Công ty Q) ký kết các hợp đồng tín dụng để Công ty Q vay các khoản tiền cụ thể như sau:

- Thỏa Tận tín dụng CLN/FL/LC/TR/RC/2012/051 ký ngày 27/7/2012, hạn mức vay là 8.000.000.000 đồng nhưng chỉ giải ngân số tiền 7.990.294.590 đồng, theo các khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số 070-8-52-00-23870 ký ngày 05/01/2021, giải ngân số tiền: 725.185.173 đồng; khế ước nhận nợ số 070-4-52-

00-26228 ký ngày 01/02/2021, giải ngân số tiền: 441.512.963 đồng; khế ước nhận nợ số 070-6-52-00-26581 ký ngày 25/3/2021, giải ngân số tiền: 349.111.411 đồng; khế ước nhận nợ số 070-7-52-00-26636 ký ngày 02/4/2021, giải ngân số tiền: 284.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-9-52-26706 ký ngày 09/4/2021, giải ngân số tiền: 612.679.767 đồng; khế ước nhận nợ số 070-4-52-00-26790 ký ngày 23/4/2021, giải ngân số tiền: 655.154.957 đồng; khế ước nhận nợ số 070-6-52-00-26893 ký ngày 06/5/2021, giải ngân số tiền: 884.607.679 đồng; khế ước nhận nợ số 070-7-52-00-27118 ký ngày 02/6/2021, giải ngân số tiền: 1.055.090.264 đồng; khế ước nhận nợ số 070-0-52-00-24217 ký ngày 07/6/2021, giải ngân số tiền 436.052.001 đồng; khế ước nhận nợ số 070-2-52-00-24280 ký ngày 06/7/2021, giải ngân số tiền: 341.184.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-5-52-00-24289 ký ngày 08/7/2021, giải ngân số tiền: 325.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-0-52-00-24358 ký ngày 26/7/2021, giải ngân số tiền: 352.656.375 đồng; khế ước nhận nợ số 070-7-52-00-24371 ký ngày 05/8/2021, giải ngân số tiền: 301.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-9-52-00-24441 ký ngày 09/8/2021, giải ngân số tiền: 170.239.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-8-52-00-24523 ký ngày 23/8/2021, giải ngân số tiền: 230.325.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-3-52-00-27020 ký ngày 08/9/2021, giải ngân số tiền: 526.071.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-7-52-00-27033 ký ngày 09/9/2021, giải ngân số tiền: 300.425.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay tạm tính đến ngày 27/9/2024; về tiền nợ gốc: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q chưa trả số nợ gốc đối với thỏa Tận cấp tín dụng này, do đó nợ gốc vẫn là: 7.990.294.590 đồng; về lãi vay trong hạn kỳ tháng 10 (từ 10/9/2024 – 27/9/2024) chưa trả là 29.991.554 đồng; về lãi vay quá hạn (tính từ ngày trả lãi cuối cùng đến ngày 27/9/2024) tương ứng với số tiền 1.833.430.166 đồng; tiền phạt lãi quá hạn: 202.843.393 đồng; tiền phạt gốc quá hạn: 704.118.657 đồng. Tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt lãi, phạt gốc mà Công ty Q phải trả cho nguyên đơn theo thỏa Tận cấp tín dụng CLN/FL/LC/TR/RC/2012/051 là 10.760.678.360 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000148/16 ký ngày 16/5/2016, hạn mức vay 3.700.000.000 đồng nhưng chỉ giải ngân số tiền: 2.863.713.991 đồng, theo các Khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số 070-0-52-00-24176 ký ngày 30/12/2020, giải ngân số tiền: 349.642.633 đồng; khế ước nhận nợ số 070-7-52-00-26227 ký ngày 01/02/2021, giải ngân số tiền: 1.148.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-4-52-00-26637 ký ngày 02/4/2021, giải ngân số tiền: 65.798.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-6-52-00-26707 ký ngày 09/4/2021, giải ngân số tiền: 34.584.047 đồng; khế ước nhận nợ số 070-2-52-00-27362 ký ngày 30/6/2021, giải ngân số tiền: 312.439.311 đồng; khế ước nhận nợ số 070-7-52-

00-27301 ký ngày 23/6/2021, giải ngân số tiền 300.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-4-52-00-27001 ký ngày 06/9/2021, giải ngân số tiền 453.250.000 đồng; khế ước nhận nợ số 070-0-52-00-27032 ký ngày 09/9/2021, giải ngân số tiền 200.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay tạm tính đến ngày 27/9/2024; về tiền nợ gốc: Công ty Q chưa trả số nợ gốc đối với thỏa Tận cấp tín dụng này, do đó nợ gốc vẫn là 2.863.713.991 đồng; về lãi vay trong hạn kỳ tháng 10 (từ ngày 10/9/2024 đến hạn ngày 27/9/2024) chưa trả là 10.969.444 đồng; về lãi vay quá hạn (tính từ ngày trả lãi cuối cùng đến ngày 09/9/2024) là 663.478.884 đồng; tiền phạt lãi quá hạn: 33.173.944 đồng; tiền phạt gốc quá hạn: 261.007.441 đồng; tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt lãi, phạt gốc mà Công ty Q phải trả cho nguyên đơn theo thỏa Tận tín dụng CLN/000148/16 là 3.832.343704 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng số CLN/00488/20 ký ngày 26/11/2020, hạn mức vay 3.000.000.000 đồng, giải ngân đủ theo Khế ước nhận nợ số 070-2-50-00-20903, tổng kỳ hạn vay 60 kỳ (nhưng do kỳ đầu không tròn tháng nên thực chất chỉ trả 59 kỳ tiền gốc), tiền gốc hàng tháng là 50.850.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay tạm tính đến ngày 27/9/2024; về tiền gốc, Công ty Q đã trả 9 kỳ tương ứng với số tiền 457.650.000 đồng; còn lại 50 kỳ chưa thanh toán tương ứng với số tiền 2.542.350.000 đồng; về lãi vay trong hạn kỳ tháng 10 (từ ngày 10/9/2024 đến hạn ngày 27/9/2024) chưa trả là 10.005.714 đồng; về lãi vay quá hạn (tính từ ngày trả lãi cuối cùng đến ngày 09/9/2024) là 714.104.325 đồng; về tiền phạt lãi quá hạn: 82.687.477 đồng; về tiền phạt gốc quá hạn: 119.324.471 đồng; tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt lãi, phạt gốc mà Công ty Q phải trả cho nguyên đơn theo thỏa Tận tín dụng CLN/000488/20 là 3.468.471.987 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng số CLN/000550/20 ký ngày 06/01/2021, hạn mức vay 4.000.000.000 đồng, giải ngân đủ theo Khế ước nhận nợ số 070-7-50-00-21004, tổng kỳ hạn vay là 83 kỳ, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 48.200.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay tạm tính đến ngày 27/9/2024; về tiền nợ gốc, Công ty Q đã trả 8 kỳ tương ứng với số tiền 385.600.000 đồng; còn 75 kỳ chưa trả tương ứng với số tiền 3.614.400.000 đồng; về lãi vay trong hạn kỳ tháng 10 (từ ngày 10/9/2024 đến hạn ngày 27/9/2024) chưa trả là 14.224.892 đồng; về lãi vay quá hạn (tính từ ngày trả lãi cuối cùng đến ngày 09/9/2024) là 1.013.759.980 đồng; về tiền phạt lãi quá hạn: 117.371.933 đồng; về tiền phạt gốc quán hạn: 108.385.624 đồng; tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt lãi, phạt gốc mà Công ty Q phải trả cho nguyên đơn theo thỏa Tận tín dụng CLN/000550/20 là 4.868.142.429 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P theo 04 thỏa Tận cấp tín dụng nêu trên (tạm tính đến ngày 27/9/2024) là: 22.929.636.479 đồng, trong đó: Tiền gốc: 17.010.758.581 đồng; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt lãi, phạt gốc: 5.918.877.898 đồng.

1.2 Đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc T: Ngân hàng P và bà Nguyễn Ngọc T ký kết các "Thỏa Tận cấp tín dụng" để bà T vay các khoản tiền cụ thể như sau:

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000600/19 ký ngày 15/11/2019, hạn mức vay 5.300.000.000 đồng, bà T đã được giải ngân đủ theo khế ước nhận nợ số 070-5-50-00-19098, tổng kỳ hạn vay là 84 kỳ, số tiền gốc hàng tháng phải trả là 63.100.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay tạm tính đến ngày 27/9/2024; về số tiền gốc hàng tháng, bà Nguyễn Ngọc T đã trả 23 kỳ tương ứng với số tiền 1.451.300.000 đồng; còn 61 kỳ chưa trả tương ứng với số tiền 3.848.700.000 đồng; về tiền lãi hàng tháng, bà T chưa thanh toán số tiền lãi quá hạn là 1.026.635.799 đồng; tiền phạt lãi quá hạn: 99.955.108 đồng; tiền phạt gốc quá hạn: 121.407.598 đồng; tổng cộng tiền gốc, tiền lãi, tiền phạt lãi, phạt gốc bà Nguyễn Ngọc T phải trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng CLN/000600/19 là: 5.096.698.505 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000605/19 ký ngày 15/11/2019, hạn mức vay 10.000.000.000 đồng, bà T đã được giải ngân đủ số tiền theo các Khế ước nhận nợ số 070-9-50-00-19090, 070-2-50-00-02006, 070-3-50-00-20025, 070-1-50-00-20029, 070-9-50-00-20034. Thực hiện hợp đồng vay tạm tính đến ngày 27/9/2024; số tiền gốc bà T chưa trả cho nguyên đơn là 7.383.160.000 đồng, cụ thể từng Khế ước nhận nợ như sau:

+ Khế ước 070-9-50-00-19090, giải ngân số tiền 4.500.000.000 đồng, kỳ hạn vay 84 kỳ, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 53.600.000 đồng. Bà T đã trả 23 kỳ tương ứng với số tiền 1.232.800.000 đồng; còn 61 kỳ chưa thanh toán tương ứng với số tiền 3.267.200.000 đồng.

+ Khế ước 070-2-50-00-02006, giải ngân số tiền 2.470.000.000 đồng, tổng 82 kỳ hạn vay, số tiền gốc trả hàng tháng là 30.150.000 đồng. Bà T đã trả 22 kỳ tương ứng với số tiền 663.300.000 đồng; còn lại 60 kỳ chưa thanh toán tương ứng với số tiền 1.806.700.000 đồng.

+ Khế ước 070-3-50-00-20025, giải ngân số tiền 960.000.000 đồng, tổng kỳ hạn vay là 80 kỳ, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 12.000.000 đồng. Bà T đã trả 19 kỳ tương ứng với số tiền 228.000.000 đồng; còn lại 61 kỳ tương ứng với số tiền 732.000.000 đồng.

+ Khế ước 070-1-50-00-20029, giải ngân số tiền 860.000.000 đồng, tổng kỳ hạn vay 79 kỳ, số tiền gốc phải trả hàng tháng 10.900.000 đồng. Bà T đã trả 21 kỳ tương ứng với số tiền 228.900.000 đồng; còn lại 58 kỳ chưa thanh toán tương ứng với số tiền 631.100.000 đồng.

+ Khế ước 070-9-50-00-20034, giải ngân số tiền 1.210.000.000 đồng, tổng kỳ hạn vay 78 kỳ, số tiền gốc phải trả hàng tháng 15.520.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc T đã trả 17 kỳ tương ứng với số tiền 263.840.000 đồng; còn lại 61 kỳ tương ứng với số tiền 946.160.000 đồng.

+ Về tiền lãi hàng tháng: bà T chưa thanh toán số tiền lãi quá hạn là: 1.954.817.428 đồng; tiền phạt lãi quá hạn: 189.768.819 đồng; tiền phạt gốc quá hạn: 232.311.725 đồng; Tổng số tiền gốc, tiền lãi, tiền phạt gốc, tiền phạt lãi theo thỏa Tận tín dụng CLN/000605/19 là 9.760.057.972 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000245/21 ký ngày 16/11/2021, hạn mức vay 2.000.000.000 đồng, bà T đã được giải ngân đủ theo Khế ước nhận nợ 070-1-50-00-21103, tổng số kỳ hạn vay 83 kỳ, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 24.100.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay tạm tính đến ngày 27/9/2024; về số tiền gốc hàng tháng, bà T đã trả 5 kỳ tương ứng với số tiền 120.500.000 đồng; còn lại 78 kỳ chưa thanh toán tương ứng với số tiền 1.879.500.000 đồng; về tiền lãi hàng tháng, bà T chưa trả số tiền lãi quá hạn là: 446.742.101 đồng; tiền phạt lãi quá hạn: 46.170.404 đồng; tiền phạt gốc quá hạn: 38.427.929 đồng; tổng số tiền gốc, tiền lãi hàng tháng, tiền phạt lãi, phạt gốc theo Thỏa Tận tín dụng số CLN/000245/21 là 2.410.840.434 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng P theo 03 Thỏa Tận tín dụng CLN/000600/19, CLN/000605/19, CLN/000245/21 (tạm tính đến ngày 27/9/2024) là 17.267.596.912 đồng, trong đó: Tiền gốc: 13.111.360.000 đồng; tiền lãi, phạt lãi, phạt gốc: 4.156.236.912 đồng.

1.3 Để đảm bảo cho các khoản vay trên của Công ty Q và bà Nguyễn Ngọc T thì bà T đã thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số PBVN-CLN/000600-605/19 ký ngày 15/11/2019 được công chứng tại Phòng Công chứng số 2; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PBVN-CLN/000488/20 ký ngày 26/11/2020 được công chứng tại Phòng Công chứng số 02 Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4 Ngoài ra, bà T có ký giấy bảo lãnh đối với các khoản nợ của Công ty Q tại Ngân hàng P theo các Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/2012/051 ký ngày 27/7/2012, Thỏa Tận cấp Tín dụng số

CLN/000148/16 ký ngày 16/5/2016; bà T và ông Nguyễn Đại Dương ký bảo lãnh đối với các khoản nợ của Công ty Q tại Ngân hàng P theo các "Thỏa Tận cấp Tín dụng" số CLN/000488/20 ký ngày 26/11/2020 và "Thỏa Tận cấp Tín dụng" số CLN/000550/20 ký ngày 06/01/2021.

Do Công ty Q và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc Công ty Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng P toàn bộ số tiền vay tính đến ngày 27/9/2024 là: Nợ gốc 17.010.758.581 đồng; số tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, phạt gốc quá hạn (tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 5.918.877.898 đồng. Kể từ ngày 28/9/2024 tiền lãi vay và lãi phạt lãi quá hạn, phạt gốc quá hạn sẽ được tiếp tục phát sinh cho đến khi Công ty Q trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

- Buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số dư nợ gốc là 13.111.360.000 đồng; toàn bộ số tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, phạt gốc quá hạn tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 4.156.236.912 đồng; tổng cộng số tiền là 17.267.596.912 đồng. Kể từ ngày 28/9/2024 tiền lãi vay và lãi phạt lãi quá hạn, phạt gốc quá hạn sẽ được tiếp tục phát sinh cho đến khi bà T trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp, Công ty Q và bà T không thanh toán hoặc thanh toán các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng không đầy đủ, thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản nợ của Công ty Q và bà T theo Hợp đồng thế chấp số PBVN-CLN/000600-605/19 ký ngày 15/11/2019 được công chứng tại Phòng công chứng số 2; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PBVN-CLN/000488/20 ký ngày 26/11/2020 được công chứng tại Phòng Công chứng số 02 Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng P.

Nếu số tiền T được từ việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Dương phải có trách nhiệm liên đới với bà T để trả cho Ngân hàng P toàn bộ số dư nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, gốc quá hạn đối với Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000488/20 ký ngày 26/11/2020 và Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000550/20 ký ngày 06/01/2021, số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 là: 8.336.614.415 đồng, (trong đó tiền gốc là 6.156.750.000 đồng, tiền lãi và tiền phạt là 2.179.864.415 đồng); yêu cầu bà T phải có trách nhiệm liên đới với Công ty Q để trả cho Ngân hàng P toàn bộ số dư nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, gốc quá hạn đối với Thỏa Tận cấp tín Tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ký ngày 27/07/2012, Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000148/16 ký ngày 16/05/2016,

số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 là: 14.593.022.064 đồng (trong đó tiền gốc là 10.854.008.581 đồng, tiền lãi và tiền phạt là 3.739.013.483 đồng).

2. Bị đơn:

2.1 Công ty Q có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng Gia Phúc và ông Nguyễn Đắc Tài trình bày: Về số tiền gốc là 17.010.758.581 đồng đối với các khoản vay của Công ty Q tại Ngân hàng, Công ty Q thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Công ty Q đồng ý trả nợ gốc cho Ngân hàng P theo yêu cầu khởi kiện nhưng đề nghị Tòa án xem xét và tính lại các khoản tiền lãi do phía Ngân hàng P tính không đúng với quy định pháp luật và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; đối với yêu cầu của Ngân hàng về phát mãi tài sản thế chấp, Công ty Q đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.2. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày tại bản trình bày ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: đối với các khoản vay của Ngân hàng trong vụ án dân sự thụ lý số 1355/2023/DSST ngày 05/10/2023 và đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung bà T không có lời khai gửi cho Tòa án. Bà T có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Phú trong vụ án dân sự thụ lý số 265/2023/KDTM-ST ngày 03/10/2023 trình bày: Đối với yêu cầu của Ngân hàng về phát mãi tài sản thế chấp bà T không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.3 Bị đơn ông Nguyễn Đại Dương do ông Nguyễn Đắc Tài là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty Q có ký hai thỏa Tận với Ngân hàng là thỏa Tận CLN/000488/20 ngày 26/11/2020, hạn mức 3.000.000.000 đồng và CLN/000555/20 ngày 06/01/2021, hạn mức 4.000.000.000 đồng; hiện nay ông Dương không còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty Q nữa, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

3.1.1. Buộc Công ty TNHH Q phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên P số tiền vay tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 22.929.636.479 đồng (trong đó, số tiền vay có vốn gốc là 17.010.758.581 đồng; lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt lãi quá hạn, phạt gốc quá hạn là 5.918.877.898 đồng; số tiền cụ thể của từng hợp đồng như sau:

- Thỏa Tận tín dụng CLN/FL/LC/TR/RC/2012/051 ký ngày 27/7/2012; số tiền gốc là 7.990.294.590 đồng; lãi trong hạn là 29.991.554 đồng; lãi quá hạn là 1.833.430.166 đồng; phạt lãi quá hạn là 202.843.393 đồng; phạt gốc quá hạn là 704.118.657 đồng; tổng cộng số tiền là 10.760.678.360 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000148/16 ký ngày 16/05/2016; số tiền gốc là 2.863.713.991 đồng; lãi trong hạn là 10.969.444 đồng; lãi quá hạn là 663.478.884 đồng; phạt lãi quá hạn là 33.173.944 đồng; phạt gốc quá hạn: 261.007.441 đồng; tổng cộng số tiền là 3.832.343704 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng số CLN/00488/20 ký ngày 26/11/2020; số tiền gốc là 2.542.350.000 đồng; lãi trong hạn là 10.005.714 đồng; lãi quá hạn là 714.104.325 đồng; phạt lãi quá hạn là 82.687.477 đồng; phạt gốc quá hạn là 119.324.471 đồng; tổng cộng số tiền là 3.468.471.987 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng số CLN/000550/20 ký ngày 06/01/2021; số tiền gốc là 3.614.400.000 đồng; lãi trong hạn là 14.224.892 đồng; lãi quá hạn là 1.013.759.980 đồng; phạt lãi quá hạn là 117.371.933 đồng; phạt gốc quá hạn là 108.385.624 đồng; tổng cộng số tiền là 4.868.142.429 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2024 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi Công ty TNHH Q hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo các hợp đồng đã ký kết.

3.1.2. Buộc bà Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên P số tiền vay tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 17.267.596.912 đồng (trong đó, tiền vay có vốn gốc là 13.111.360.000 đồng; lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt lãi quá hạn, phạt gốc quá hạn là là 4.156.236.912 đồng; số tiền cụ thể của từng hợp đồng như sau:

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000600/19 ký ngày 15/11/2019; số tiền gốc là 3.848.700.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.026.635.799 đồng; phạt lãi quá hạn là 99.955.108 đồng; phạt gốc quá hạn là 121.407.598 đồng; tổng cộng số tiền là: 5.096.698.505 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000605/19 ký ngày 15/11/2019; số tiền gốc là 7.383.160.000 đồng; lãi trong hạn là 1.954.817.428 đồng; phạt lãi quá hạn là 189.768.819 đồng; phạt gốc quá hạn là 232.311.725 đồng; tổng cộng số tiền là 9.760.057.972 đồng.

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000245/21 ký ngày 16/11/2021; số tiền gốc là 1.879.500.000 đồng; lãi trong hạn là 446.742.101 đồng; phạt lãi quá hạn là 46.170.404 đồng; phạt gốc quá hạn là 38.427.929 đồng; tổng cộng số tiền là 2.410.840.434 đồng

Kể từ ngày 28/9/2024 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi bà Nguyễn Ngọc T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo các hợp đồng đã ký kết.

3.1.3. Trường hợp Công ty TNHH Q và bà Nguyễn Ngọc T không thực hiện việc trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là "Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 696, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 20/3 Tam Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 751299 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 07553 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức cấp ngày 25/12/2006, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 20/11/2019 cho bà Nguyễn Ngọc T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số PBVN-CLN/000600-605/19 ngày 15/11/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PBVN-CL/000488/20 ngày 26/11/2020) để đảm bảo Thi hành án.

3.1.4. Nếu Công ty TNHH Q và bà Nguyễn Ngọc T không thực hiện việc trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ và số tiền T được từ việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả các khoản nợ cho Ngân hàng; thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Nguyễn Đại Dương phải có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Ngọc T để trả cho Ngân hàng TNHH MTV P toàn bộ số dư nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, gốc quá hạn đối với Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000488/20 ký ngày 26/11/2020 và Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000550/20 ký ngày 06/01/2021.

Và bà Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH Q để trả cho Ngân hàng TNHH MTV P toàn bộ số dư nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, gốc quá hạn đối với Thỏa Tận cấp tín Tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ký ngày 27/07/2012, Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000148/16 ký ngày 16/05/2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T đề ngày 03/10/2024 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P.

Ngày 25/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm nêu trên theo quyết định kháng nghị phúc thẩm số 7557/QĐ-VKS-KDTM. Nội dung kháng nghị: đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 4728/2024/KDTM-ST theo hướng không

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền phạt lãi quá hạn và tiền phạt gốc quá hạn giữa nguyên đơn và Công ty Q.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, cụ thể giấy ủy quyền của Ngân hàng P chỉ ủy quyền cho ông Đặng Tuấn H tham gia tố tụng đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng P và Công ty Q nhưng ông H tham gia tố tụng cả tranh chấp của bà T là không đúng. Về nội dung, tại đơn khởi kiện của nguyên đơn không yêu cầu bà T trả tiền lãi trong hạn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T trả tiền lãi trong hạn cho nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện; ngoài ra, về tiền lãi phạt tính không đúng quy định pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại án phí sơ thẩm do bà Tộc trường hợp người cao tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung tiền phạt lãi quá hạn và tiền phạt gốc quá hạn của Thỏa Tận tín dụng CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ngày 27/7/2012 và Thỏa Tận tín dụng CLN/000148/16 ngày 16/5/2016 giữa nguyên đơn và Công ty Q. Đối với nội dung kháng cáo của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên P không đồng ý với kháng cáo của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về nội dung hủy bản án sơ thẩm và xem xét lại tiền lãi của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T. Chấp nhận 01 phần kháng cáo của bà T về án phí sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh, sửa 01 phần Bản án sơ thẩm, không chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với nội dung tiền phạt lãi quá hạn và tiền phạt gốc quá

hạn của Thỏa Tận tín dụng số 051 ngày 27/7/2012 và 148 ngày 16/5/2016 của Ngân hàng Public và Công ty Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 4728/2024/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 27/9/2024. Ngày 04/10/2024, Tòa án nhân dân thành phố T nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q và bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa Tận tín dụng đã ký kết. Tranh chấp giữa Ngân hàng P và Công ty Q phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp về hợp đồng tín dụng; tranh chấp giữa Ngân hàng P và bà Nguyễn Ngọc T là tranh chấp về dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Xét, cả hai quan hệ tranh chấp trên đều có cùng nguyên đơn và cùng tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 696, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 20/3 đường Tam Bình, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Ngọc T, bị đơn Công ty Q có trụ sở tại thành phố Thủ Đức nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý nhập vụ án và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vượt quá phạm vi ủy quyền và yêu cầu xem xét lại lãi suất và án phí sơ thẩm:

[3.1] Ngày 03/10/2023, Tòa án nhân dân thành phố Th đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 265/2023/TLST-KDTM về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Nguyên đơn Ngân hàng P và bị đơn Công ty Q. Ngày 05/10/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 1355/2023/TLST-DS về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân

hàng P và bị đơn bà Nguyễn Ngọc T. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhập hai vụ án trên thành vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 265/2023/TLST-KDTM để giải quyết là đúng pháp luật.

Căn cứ các Văn bản ủy quyền số 119/2024/CASD-HO/CLN và 120/2023/CASD-HO/CLN cùng ngày 05/7/2024 của Ngân hàng P có nội dung người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng P là ông Chee Keng E đã ủy quyền cho bà Lương Tú Mai H được thực hiện các quyền hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án tranh chấp với Công ty Q và bà Nguyễn Ngọc T, đồng thời bà H được quyền ủy quyền lại cho người khác tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, ông Đặng Tuấn H đã được bà H ủy quyền tham gia tố tụng theo các Văn bản ủy quyền số 0916/2024/CRD/CLN và 0917/2024/CRD/CLN cùng ngày 08/7/2024 là phù hợp với quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận ông Đặng Tuấn H tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng pháp luật tố tụng. Bà T kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng do bà H không có thẩm quyền ủy quyền cho ông H là không có cơ sở.

[3.2] Về tiền lãi:

Căn cứ vào sự thừa nhận của bà T, có cơ sở để xác định bà T có ký kết các thỏa Tận tín dụng số CLN 600/19 ngày 15/11/2019, CLN 605/19 ngày 15/11/2019 và 245/21 ngày 16/11/2021 để vay của Ngân hàng P tổng số tiền 17.300.000.000 đồng nhưng không thừa nhận số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả trên nợ gốc và lãi chậm trả trên số nợ quá hạn.

Xét các thỏa Tận tín dụng bà T đã ký kết với Ngân hàng P có thỏa Tận về tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc và lãi chậm trả trên số tiền lãi quá hạn. Thỏa Tận này phù hợp với các quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng 2010, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ nên Ngân hàng Public khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên kháng cáo này của bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu thực hiện bảo lãnh của Ngân hàng P đối với bà Nguyễn Ngọc T:

Xét, bà T thừa nhận có ký giấy bảo lãnh đối với các Thỏa Tận tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ký ngày 27/7/2012, số CLN/000148/16 ngày 16/5/2016, số CLN/00488/20 ngày 26/11/2020 và số CLN/000550/20 ngày 06/01/2021 của Công ty Q và Ngân hàng P.

Căn cứ Điều 255 của Bộ luật Dân sự 2015, do Công ty Q và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết

buộc bà T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P đối với bị đơn Công ty Q về tiền phạt lãi quá hạn và tiền phạt gốc quá hạn của Thỏa Tận tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ngày 27/7/2012 và Thỏa Tận tín dụng số CLN/000148/16 ngày 16/5/2016:

[4.1] Căn cứ vào trình bày của Ngân hàng P và sự thừa nhận của Công ty Q, có sơ sở để xác định Công ty Q đã ký kết các Thỏa Tận tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ngày 27/7/2012, số CLN/000148/16 ngày 16/5/2016, số CLN/00488/20 ngày 26/11/2020 và số CLN/000550/20 ngày 06/01/2021 để vay của Ngân hàng P tổng số tiền 17.854.008.581 đồng.

Do Công ty Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng P đã khởi kiện yêu cầu Công ty Q trả toàn bộ số nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của nợ gốc, lãi chậm trả của lãi quá hạn.

Đối với các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng P; bị đơn gồm: bà Nguyễn Ngọc T, Công ty Q và ông Nguyễn Đại Dương không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.2] Tại các Thỏa Tận tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ký ngày 27/7/2012 và số CLN/000148/16 ngày 16/5/2016 giữa Ngân hàng P và Công tyTNHH Q thì các bên có thỏa Tận về tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc và tiền lãi chậm trả trên tiền lãi quá hạn. Tuy nhiên, căn cứ vào Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về tiền lãi phạt trong các hợp đồng tín dụng nếu các bên có thỏa Tận, căn cứ vào khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có nội dung lãi trên số nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa Tận của các bên và phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Đối chiếu với các quy định được viện dẫn trên thì tính đến trước ngày 01/01/2017 pháp luật chưa quy định về tiền phạt lãi quá hạn, tiền phạt gốc quá hạn, do đó số tiền tạm tính về tiền phạt lãi quá hạn và tiền phạt gốc quá hạn Ngân hàng P và Công ty Q tại 02 Thỏa Tận tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ký ngày 27/7/2012 và số CLN/000148/16 ngày 16/5/2016 là không phù hợp với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P về nội dung tính tiền phạt lãi và tiền phạt gốc của hai Thỏa Tận tín dụng trên đối

với Công ty Q là không có cơ sở. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với nội dung này là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng P phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận; bị đơn Công ty Q phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn bà Nguyễn Ngọc T được miễn án phí do Tộc trường hợp người cao tuổi theo quy định và đã có đơn xin miễn án phí, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và xem xét lại tiền lãi theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P về số tiền phạt lãi quá hạn và tiền phạt gốc quá hạn. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 4728/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P, cụ thể như sau:

2.1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P số tiền vay tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 21.728.493.034 đồng (hai mươi mốt tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn không trăm ba mươi bốn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 17.010.758.581 đồng (mười bảy tỷ không trăm mười triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng) và tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là

4.717.734.453 đồng (bốn tỷ bảy trăm mười bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng); số tiền cụ thể của từng hợp đồng như sau:

- Thỏa Tận tín dụng CLN/FL/LC/TR/RC/2012/051 ký ngày 27/7/2012; số tiền gốc là 7.990.294.590 đồng (bảy tỷ chín trăm chín mươi triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi đồng), tiền lãi trong hạn là 29.991.554 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng) và tiền lãi quá hạn là 1.833.430.166 đồng (một tỷ tám trăm ba mươi ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng); tổng cộng số tiền là 9.853.716.310 đồng (chín tỷ tám trăm năm mươi ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm mười đồng).

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000148/16 ký ngày 16/5/2016; số tiền gốc là 2.863.713.991 đồng (hai tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng); lãi trong hạn là 10.969.444 đồng (mười triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng); lãi quá hạn là 663.478.884 đồng (sáu trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng); tổng cộng số tiền là 3.538.162.319 đồng (ba tỷ năm trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười chín đồng).

- Thỏa Tận tín dụng số CLN/00488/20 ký ngày 26/11/2020; số tiền gốc là 2.542.350.000 đồng (hai tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); lãi trong hạn là 10.005.714 đồng (mười triệu năm nghìn bảy trăm mười bốn đồng); lãi quá hạn là 714.104.325 đồng (bảy trăm mười bốn triệu một trăm lẻ bốn nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng); lãi chậm trả trên số tiền lãi quá hạn là 82.687.477 đồng (tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng); lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc quá hạn là 119.324.471 đồng (một trăm mười chín triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng); tổng cộng số tiền là 3.468.471.987 đồng (ba tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

- Thỏa Tận tín dụng số CLN/000550/20 ký ngày 06/01/2021; số tiền gốc là 3.614.400.000 đồng (ba tỷ sáu trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); lãi trong hạn là 14.224.892 đồng (mười bốn triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi hai đồng); lãi quá hạn là 1.013.759.980 đồng (một tỷ không trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi đồng); lãi chậm trả trên số tiền lãi quá hạn là 117.371.933 đồng (một trăm mười bảy triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi ba đồng); lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc quá hạn là 108.385.624 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng); tổng cộng số tiền là 4.868.142.429 đồng (bốn tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày 28/9/2024 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các thỏa Tận tín dụng đã ký kết cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q trả nợ xong các khoản tiền trên cho Ngân hàng. Riêng Thỏa Tận tín dụng CLN/FL/LC/TR/RC/2012/051 ký ngày 27/7/2012 và Thỏa Tận tín dụng CLN/000148/16 ký ngày 16/5/2016 chỉ được tính tiền lãi phát sinh đối với tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn.

2.1.2. Buộc bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P số tiền vay tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 17.267.596.912 đồng (mười bảy tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm mười hai đồng) bao gồm, tiền nợ gốc là 13.111.360.000 đồng (mười ba tỷ một trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng); và tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi chậm trả trên số tiền lãi, tiền nợ lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc quá hạn là 4.156.236.912 đồng (bốn tỷ một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm mười hai đồng); số tiền cụ thể của từng hợp đồng như sau:

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000600/19 ký ngày 15/11/2019; số tiền gốc là 3.848.700.000 đồng (ba tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng); tiền lãi trong hạn là 1.026.635.799 đồng (một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng); tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi là 99.955.108 đồng (chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn một trăm lẻ tám đồng); tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc quá hạn là 121.407.598 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn năm trăm chín mươi tám đồng); tổng cộng số tiền là: 5.096.698.505 đồng (năm tỷ không trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000605/19 ký ngày 15/11/2019; số tiền gốc là 7.383.160.000 đồng (bảy tỷ ba trăm tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); lãi trong hạn là 1.954.817.428 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi bốn triệu tám trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng); tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi là 189.768.819 đồng (một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm mười chín đồng); tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc quá hạn là 232.311.725 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng); tổng cộng số tiền là 9.760.057.972 đồng (chín tỷ bảy trăm sáu mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

- Thỏa Tận tín dụng CLN/000245/21 ký ngày 16/11/2021; số tiền gốc là 1.879.500.000 đồng (một tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng); lãi trong hạn là 446.742.101 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn một trăm lẻ một đồng); tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi quá hạn là 46.170.404 đồng (bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm lẻ bốn

đồng) ; tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc quá hạn là 38.427.929 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); tổng cộng số tiền là 2.410.840.434 đồng (hai tỷ bốn trăm mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 28/9/2024 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các thỏa Tận tín dụng đã ký kết cho đến khi bà Nguyễn Ngọc T trả nợ xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng.

2.1.3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q và bà Nguyễn Ngọc T không thực hiện việc trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là "Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 696, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 20/3 Tam Bình, khu phố 8, phường h, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 751299 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 07553 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức cấp ngày 25/12/2006, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 20/11/2019 cho bà Nguyễn Ngọc T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số PBVN-CLN/000600-605/19 ngày 15/11/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PBVN-CL/000488/20 ngày 26/11/2020) để đảm bảo thi hành án.

2.1.4. Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q và bà Nguyễn Ngọc T không thực hiện việc trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ và số tiền T được từ việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả các khoản nợ cho Ngân hàng; thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Nguyễn Đại Dương phải có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Ngọc T để trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P toàn bộ số dư nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, gốc quá hạn đối với Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000488/20 ký ngày 26/11/2020 và Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000550/20 ký ngày 06/01/2021.

Và bà Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q để trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P toàn bộ số dư nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt lãi quá hạn, gốc quá hạn đối với Thỏa Tận cấp tín Tín dụng số CLN/FL/LC/TR/RC/12/051 ký ngày 27/07/2012, Thỏa Tận cấp Tín dụng số CLN/000148/16 ký ngày 16/05/2016.

2.2 Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thànhviên P về số tiền phạt lãi quá hạn, tiền phạt gốc quá hạn theo hai Thỏa Tận tín dụng số 051 ngày 27/7/2012 và 148 ngày 16/5/2016 của Ngân hàng Public và Công ty Q tổng cộng là 1.201.143.435 đồng (một tỷ hai trăm lẻ một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc Công ty Q và bà Nguyễn Ngọc T mỗi bên hoàn trả cho Ngân hàng P chi phí xét xử thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P phải chịu là 48.034.303 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.739.754 đồng theo Biên lai T tiền tạm ứng số AA/2023/0005040 ngày 26/9/2023 ; 64.207.555 đồng theo Biên lai T tiền tạm ứng số AA/2023/0005039 ngày 26/9/2023 và 300.000 đồng theo Biên lai T tiền tạm ứng số 0027789 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P được trả lại số tiền chênh lệch là 78.213.006 đồng (bảy mươi tám triệu hai trăm mười ba nghìn sáu đồng).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q phải chịu án phí là 129.728.493 đồng (một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

- Bà Nguyễn Ngọc T được miễn án phí theo quy định.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu.

6. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tp Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS tp Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Anh